

Bản án số: 48/2022/DS-ST  
Ngày 04 - 8 - 2022  
“*Tranh chấp hợp đồng mua bán xe*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Gấm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Kiên Ngọc Trương; Ông Trần Văn Út

**- Thư ký - phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Chí Thiện, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2020/TLST- DS ngày 19/3/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán xe*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/TB-TA ngày 28/6/2022) giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Th Th, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi ĐKKHTT: khóm 1, phường 7, thành phố TV, tỉnh TTV.

Nơi tạm trú: Khóm 1, phường 9, thành phố TV, tỉnh TV.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Ch, sinh năm 1996. Nơi cư trú: ấp Q, xã A, huyện B, tỉnh BT.  
Người đại diện hợp pháp của ông Chiến: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B. (Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2017).

- Ông Lâm A, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: khu phố 3, phường P, thành phố BT, tỉnh BT.

- Ông Lâm H, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khu phố 3, phường P, thành phố BT, tỉnh BT.

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Nhà không số đường 6, khu phố A, phường TĐ, thành phố TĐ, thành phố HCM.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày:* Vào ngày 05/4/2016 ông M có mua xe từ ông Nguyễn Thanh Th 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 71B1-58655 số máy: 55P1-140530, số khung: 10CY -140516 tên chủ xe Nguyễn Văn T địa chỉ: Minh Nghĩa, Ngã Đẽng, MCN theo giấy tay mua bán ngày 5/4/2016 giá mua 28.000.000đ (*Hai mươi tám triệu đồng*). Đến ngày 22/4/2016 ông M bán xe này cho cửa hàng S giá là 27.500.000đ và sau đó Cửa hàng S bán lại cho ông Trần Ch giá 31.500.000đ, ông Ch đi đăng ký sang tên thì bị Công an tịch thu cho rằng xe này bị mất trộm ở Quận TĐ, TPHCM và biển số xe 71B1-58655 là giả nên Công an tịch thu xe này. Lúc này, ông M trả lại cho Cửa hàng S 27.500.000đ tiền mà ông đã nhận của cửa hàng S khi bán xe. Ông M cho rằng ông Th cam kết nếu giấy tờ xe không hợp lệ ông Th hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nhưng xe ông Th bán cho ông M là xe trộm của người khác và giấy tờ không hợp lệ. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh giải quyết buộc ông Th phải trả lại cho ông M 28.000.000đ, tiền mà ông M đã mua xe từ ông Th.

*Bị đơn ông Nguyễn Th Th trình bày:* Ngày 05/4/2016 ông có bán cho ông Nguyễn Ngọc M 01 chiếc xe Yamaha Exciter biển số 71B1-58655 số máy: 55P1-140530, số khung: 10CY -140516 giá bán là 28.000.000đ theo giấy tay ngày 5/4/2016. Đồng thời, ông Th cũng giao giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông M nhưng ông Th không nhớ rõ giấy tờ xe do ai đứng tên. Vì, chiếc xe này ông mua trên mạng không rõ chủ xe là ai và không nhớ người giao xe. Sau khi mua xe xong ông M lại bán xe cho người khác và người khác bán xe này cho người khác nữa, nên việc chỉnh sửa làm giả giấy ông không biết. Nay ông chỉ đồng ý trả ông Mai 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) trong vòng 06 tháng, vì ông không có khả năng.

Ông Nguyễn Ngọc M đại diện hợp pháp của ông Trần Ch xác nhận, ông Ch đã nhận lại 31.500.000đ từ cửa hàng S xong nên không có yêu cầu gì.

Ông Lâm H, ông Lâm A, ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa.

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, ông M khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả lại cho ông số tiền mua xe là 28.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Thanh Th thống nhất thỏa thuận: Ông Th có nghĩa vụ trả ông Mai 12.000.000đ trong vòng 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Số tiền còn lại 16.000.000đ ông M rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt nội quy phiên tòa và thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng ông Hoàng, ông Hoi đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Th Th, theo đó ông Th có nghĩa vụ trả ông M 12.000.000đ trong vòng 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật; về án phí ông Th có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông M rút.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật Tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Ngọc M yêu cầu ông Nguyễn Th Th trả lại ông 28.000.000đ tiền mua xe. Theo Thông báo thụ lý vụ án số 80/2020/TLST-DS ngày 19/3/2020 (trước đây là số 184/2017/TLST-DS ngày 13/02/2017) xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán xe*” là chưa chính xác. Bởi lẽ, ông M là người mua xe ngay tình từ ông Th và ông cũng đã trả cho ông Th là 28.000.000đ và nhận xe xong. Sau đó, xe này bị Công an tịch thu nên ông M khởi kiện ông Th đòi lại tiền mua xe. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này được xác định lại là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” (đòi lại tiền mua xe) theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Nguyễn ThTh có nơi cư trú khóm 1 (khóm 3 sáp nhập lại khóm 1), phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ là xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Th Th, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:*

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm A có đơn xin vắng mặt; ông Trần Ch ủy quyền cho ông M tham gia tố

tụng theo văn bản ủy quyền ngày 17/5/2017 nên vụ án được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đối với ông Lâm H và ông Trần Văn H: Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, số 169 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh cho các đương sự này nhưng họ vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H, ông H.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Ông M yêu cầu ông Th phải trả cho ông M 28.000.000đ tiền mà ông M đã mua xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 71B1-58655 số máy: 55P1-140530, số khung: 10CY -140516 từ ông Th ngày 05/4/2016. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Th Th tự nguyện thỏa thuận cụ thể: Ông Nguyễn Th Th có nghĩa vụ trả cho ông M 12.000.000đ trong vòng 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận của ông M và ông Th không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền mua bán xe còn lại 16.000.000đ (28.000.000đ – 12.000.000đ) ông Nguyễn Ngọc M rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc ông M rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H:* Trước đây Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M là “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán xe*” nên có triệu tập ông H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng thấy rằng Cơ quan Công an đã trả xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 59B1-149.39, số máy 55P1-140530, số khung 10CY-140516 cho ông Trần Văn H xong. Trong vụ án này, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông M là đòi lại tiền mua xe từ ông Th 28.000.000đ. Do đó, trong vụ án này ông H vắng mặt tại phiên tòa thì cũng không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của ông H và của người khác. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ cho ông Trần Văn H nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và không trình bày ý kiến của mình cho Tòa án biết, điều này cho thấy ông H tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Đối với ông Lâm A:* Tòa án có ghi lời khai ông Lâm A ngày 20/4/2022 được ông A xác nhận, vào thời điểm năm 2016 ông là nhân viên của cửa hàng S. Sau khi

sự việc xảy ra, ông M có trả lại cửa hàng S tiền bán xe là 27.500.000đ; Cửa hàng S cũng đã trả lại ông Ch 31.500.000đ tiền mua xe nêu trên, xem như quyền và nghĩa vụ của các bên đã thực hiện xong, nay ông A không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Đối với ông Lâm H:* Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ cho ông Lâm H nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và không trình bày ý kiến của mình cho Tòa án biết, điều này cho thấy ông H tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, ông M đại diện hợp pháp của ông Trần Ch xác nhận, ông Ch đã nhận lại tiền mua xe từ cửa hàng S xong và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Nguyễn Th Th phải có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; khoản 2 Điều 244 và Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm c khoản 1, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Nguyễn Ngọc M và ông Nguyễn Th Th cụ thể như sau: Ông Nguyễn Th Th có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc M số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*). Thời hạn trả trong vòng 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*) ông Mai đã rút yêu cầu.

Ông Trần Ch, ông Lâm A không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Trần Văn H, ông Lâm H nhưng ông Hoàng, ông H không có ý kiến hay yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

*Án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Nguyễn Th Th phải có nghĩa vụ nộp 600.000đ (*Sáu trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 700.000đ theo biên lai thu tiền số 0009255 ngày 13/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*\* Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Gấm**